

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

Bản án số: 158/2022/DS-PT

Ngày: 5-7-2023

Về việc: “**Tranh chấp hợp đồng hùn vốn**”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Minh Lễ.

Các Thẩm phán:

1. Ông Trương Văn Hai;
2. Bà Trần Thị Thúy Hà.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG tham gia phiên tòa: Ông Phạm Trường San- Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh AG xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 125/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2023 về việc “**Tranh chấp hợp đồng hùn vốn**”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 33/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện CMBị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 153/2023/QĐ-PT ngày 01 tháng 6 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Minh H, sinh năm 1976;

Nơi cư trú: Số 10/5B, Nguyễn Du, phường Mỹ B, thành phố LX, tỉnh AG.

Người đại diện ủy quyền của ông Trần Minh H là ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số 30, Nguyễn H A, phường Mỹ L, thành phố LX, tỉnh AG (văn bản ủy quyền ngày 18/7/2022) (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Phan Minh M, sinh năm 1979;

Nơi cư trú: Số 50, ấp Thị 2, thị trấn CM1, huyện CM, tỉnh AG.

Người đại diện ủy quyền của ông Phan Minh M là bà Bùi Trần Phú Th1, sinh năm 1976, nơi cư trú: Ấp Mỹ Lương, thị trấn Phú Mỹ, huyện Phú Tân, tỉnh

AG; địa chỉ liên lạc: 7 Hồ Hảo H, khóm Đông Th 8, phường Mỹ X, thành phố LX, tỉnh AG (văn bản ủy quyền ngày 01/8/2022) (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Sáu Ngh; địa chỉ trụ sở: 24/61 Hẻm đường cặp Xếp Bà L, khóm Bình Đ 5, phường Bình Đ, thành phố LX, tỉnh AG.

Người đại diện hợp pháp của Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Sáu Ngh: Bà Nguyễn thị Nương T, sinh năm 1979, nơi cư trú: 24/61 Hẻm đường cặp Xếp Bà Lý, khóm Bình Đ 5, phường Bình Đ, thành phố LX, tỉnh AG; chức danh Giám đốc, là người đại diện theo pháp luật, có văn bản xin vắng mặt;

3.2 Ông Nguyễn văn Ngh1, nơi cư trú: 24/61 Hẻm đường cặp Xếp Bà L, khóm Bình Đ 5, phường Bình Đ, thành phố LX, tỉnh AG; Chức vụ: Phó Giám đốc Công ty Sáu Ngh, có văn bản xin vắng mặt;

3.3 Bà Nguyễn thị Mỹ D, sinh năm 1975;

Nơi cư trú: Số 10/5B, Nguyễn D1, phường Mỹ B, thành phố LX, tỉnh AG; có văn bản xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Minh H trình bày: Tháng 9/2020 ông và ông Phan Minh M có hùn tiền để đóng chiếc sà lan, tổng số tiền ông đưa cho ông M là 3.197.146.026 đồng, theo bảng kê tính tiền ngày 27/2/2021 giữa ông và ông Phan Minh M thì ông M còn nợ ông là 2.621.174.026 đồng. Sau khi đóng xong, đầu năm 2021 ông M bán chiếc sà lan cho ông Nguyễn Văn H nhưng ông M không trả tiền cho ông. Sau nhiều lần nhắc nhở, ông M trả nhiều lần. Tính đến ngày 03/6/2022 ông M trả cho ông được 421.174.026 đồng, số tiền ông M còn nợ là 2.200.000.000 đồng. Số tiền nợ này ông Mẫn có ký nhận nợ với ông, ông đã nhiều lần yêu cầu ông M trả số tiền 2.200.000.000 đồng và tiền lãi nhưng ông M hứa hẹn, không thực hiện như đã hứa. Nay khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phan Minh M trả số tiền hùn vốn đóng sà lan còn thiếu là **2.200.000.000 đồng và lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ là 10%/năm kể từ ngày 27/02/2021 (lãi tạm tính đến ngày khởi kiện là 383.330.000đồng)** cho đến ngày xét xử sơ thẩm; yêu cầu tính lãi phát sinh theo quy định của pháp luật kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi ông M hết nợ. Trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thỏa thuận được: “Ông Phan Minh M xác nhận là đến ngày 03/06/2022 ông M còn nợ tiền hùn vốn của ông Trần Minh H số tiền là 2.200.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm triệu đồng*); Nguyên đơn ông Trần Minh H rút lại yêu cầu khởi kiện đối với phần thời gian tính lãi, chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết vụ án.

Bà Bùi Trần Phú Th là người đại diện của bị đơn ông Phan Minh M trình bày: Ông M xác nhận là đến ngày 03/06/2022 ông Mẫn còn giữ của vợ chồng

ông H số tiền 2.200.000.000 đồng (*Hai tỷ hai trăm triệu đồng*). Lý do ông M giữ số tiền này là giữa ông M với vợ chồng ông H vào khoảng tháng 10/2020 có thỏa thuận ông M và vợ chồng ông H cùng hùn vốn lại để đầu tư vào việc đóng khoảng 4 đến 5 chiếc sà lan tại Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Sáu Ngh (*Sau đây viết tắt là công ty Sáu Ngh*), Người đại diện Công ty là bà Nguyễn Thị Nương Tử, chức vụ Giám đốc. Việc thỏa thuận hùn vốn hai bên chỉ thỏa thuận miệng và thời điểm đó một phần tiền hùn vốn của các bên đã được ông M đưa ra cho Công ty Sáu Ngh mua sắm trang thiết bị, cải tạo mặt bằng nhà xưởng để phục vụ cho việc đóng sà lan. Việc làm của ông Mẫn vợ chồng ông H biết rõ và thống nhất vì thời điểm hai bên hùn vốn thì vợ chồng ông Hoàng ở tại trụ sở Công ty Sáu Ngh để giám sát việc đóng sà lan. Thời điểm hai bên Hùn vốn thì ông Mẫn là Phó giám đốc Công ty Sáu Ngh. Do hai bên hùn vốn nên ông M không đồng ý trả lãi như yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng. Ông Mẫn cũng không đồng ý trả ngay số tiền trên cho ông Hoàng như yêu cầu khởi kiện vì số tiền trên đã được hai bên thống nhất đầu tư vào Công ty Sáu Ngh như đã trình bày trên nên khi nào ông Mẫn nhận lại được tiền từ Công ty Sáu Ngh thì ông Mẫn sẽ giao ngay cho vợ chồng ông Hoàng 2.200.000.000 đồng. Ông Mẫn đã nộp đơn khởi kiện Công ty Sáu Ngh tại Tòa án nhân dân thành phố LX vào ngày 21/07/2022. Do việc hùn vốn của hai bên có liên quan đến vợ ông H là bà Nguyễn thị Mỹ D và Công ty Sáu Ngh nên yêu cầu Tòa án xem xét đưa vào tham gia tố tụng trong vụ án với tư cách người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đối với: Công ty Sáu Ngh; Ông Nguyễn Văn Nghiệp - Phó Giám đốc Công ty Sáu Ngh; Bà Nguyễn thị Mỹ D là vợ ông Hoàng. Đối với việc yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời của ông H: Ông M yêu cầu ông H rút lại yêu cầu này do đất đó là đất hương quả của gia đình, ông M chỉ đại diện đứng tên, nên ông M cũng không chuyển nhượng đất đó.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Sáu Ngh có văn bản trình bày ý kiến: Ông Phan Minh M là người hợp tác với Công ty Sáu Ngh, công ty giao cho ông M quản lý công ty. Trong quá trình làm việc, việc hùn vốn làm ăn, đóng sà lan giữa ông Trần Minh H với ông Phan Minh M diễn ra cụ thể như thế nào công ty không biết, không liên quan gì đến công ty, đây là việc cá nhân của ông M với ông H. Khi kiểm tra công ty, công ty biết được ông Phan Minh M đã lợi dụng danh nghĩa của Công ty Sáu Ngh để liên kết với ông H đóng mới sà lan và có dấu hiệu lợi dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tiền và tự ý cam kết dùng tài sản công ty bán để trả nợ để tạo niềm tin với ông Hoàng. Ông Phan Minh M cho rằng, ông M với ông H có hùn tiền đầu tư vào Công ty Sáu Ngh là không đúng sự thật. Công ty Sáu Ngh không có nhận bất cứ khoản tiền đầu tư nào của ông M và ông H. Đối với vụ tranh chấp giữa ông Trần Minh H và ông Phan Minh M thì Công ty không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn Ngh có văn bản trình bày ý kiến: Ông Phan Minh M là người được Công ty Sáu Ngh thuê để quản lý công ty. Trong quá trình làm việc, việc hùn vốn làm ăn, đóng sà lan giữa ông Trần Minh H với ông Phan Minh M diễn ra cụ thể như thế nào ông không

biết, không liên quan gì đến ông. Khi kiểm tra công ty, ông biết được ông Phan Minh M đã lợi dụng danh nghĩa của Công ty Sáu Ngh để liên kết với anh H đóng mới sà lan và có dấu hiệu lợi dụng tín nhiệm để chiếm đoạt tiền và tự ý cam kết dùng tài sản Công ty bán để trả nợ để tạo niềm tin với anh H. Ông Phan Minh M cho rằng, ông M với ông H có hùn tiền đầu tư vào Công ty Sáu Ngh là không đúng sự thật. Công ty Sáu Ngh không có nhận bất cứ khoản tiền đầu tư nào của ông M và ông H. Đối với vụ tranh chấp giữa ông Trần Minh H và ông Phan Minh M thì ông không có ý kiến.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn thị Mỹ D có văn bản trình bày ý kiến: Bà và ông Trần Minh H là vợ chồng, có đăng ký kết hôn. Tháng 9/2020 chồng bà và ông Phan Minh M có hùn tiền để đóng chiếc sà lan. Tổng số tiền chồng bà đưa cho ông Mẫn là 3.197.146.026 đồng. Theo bảng kê tính tiền ngày 27/2/2021 giữa chồng bà và ông Phan Minh M thì ông vẫn còn nợ chồng bà 2.621.174.026 đồng. Sau khi đóng xong, đầu năm 2021 ông M bán chiếc sà lan cho ông Nguyễn Văn H nhưng ông M không trả tiền cho chồng bà. Sau nhiều lần nhắc nhở, ông M trả nhiều lần. Tính đến ngày 03/6/2022 ông M trả cho chồng bà 421.174.026 đồng, số tiền ông Mẫn còn nợ chồng bà là 2.200.000.000 đồng. Số tiền nợ này ông Mẫn có ký nhận nợ với chồng bà. Chồng bà đã nhiều lần yêu cầu ông M trả số tiền 2.200.000.000 đồng và tiền lãi nhưng ông M hứa hẹn, không thực hiện như đã hứa. Nay chồng bà yêu cầu Tòa án tuyên xử buộc ông Phan Minh M trả số tiền 2.200.000.000 đồng (hai tỷ hai trăm triệu đồng) và lãi suất là đúng quy định của pháp luật. Việc hùn vốn làm ăn giữa chồng bà với ông Phan Minh M không liên quan gì đến bà. Đây là tài sản riêng của chồng bà, bà không có ý kiến.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện CMquyết định.

Căn cứ:

Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 166, 274, 275, 351 và 468 Bộ luật Dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Minh H như sau:

[1] Buộc ông Phan Minh M có nghĩa vụ trả cho Trần Minh H số tiền là 2.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 138.630.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

[2] Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn

phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 12/2022/QĐ-BPKCTT ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện CM để đảm bảo việc thi hành án, cụ thể: Phong tỏa tài sản của ông Phan Minh M, sinh năm 1979; địa chỉ: số 50, ấp Th 2, thị trấn CM, huyện CM, tỉnh AG là: Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00121 do Sở Tài nguyên và Môi trường AG cấp ngày 25/7/2022, tờ bản đồ số 31, thửa đất số 16, diện tích 854,1m², mục đích sử dụng: 606,6m² đất ở + 247,5m² đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc thị trấn CM, huyện CM, tỉnh AG. Đối tượng cấp giấy ông Phan Minh M.

[4] Hủy bỏ biện pháp bảo đảm theo Quyết định 08/2022/QĐ-BPBD ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện CM. Ông Trần Minh H, sinh năm 1976; địa chỉ: số 10/5B, Nguyễn D, phường Mỹ B, thành phố LX, tỉnh AG được nhận lại số tiền 462.960.000đồng (Bằng chữ: Bốn trăm chín mươi hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) theo giấy nộp tiền ngày 28/7/2022 vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện CM, tỉnh AG.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên chi phí tố tụng án phí các đương sự phải chịu, quyền kháng cáo bản án và thời hiệu để yêu cầu thi hành bản án có hiệu lực pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 24 tháng 3 năm 2023 ông Phan Minh M làm đơn kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm. Yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét lại toàn bộ nội dung vụ án.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Các bên đương sự không xuất trình chứng cứ nào mới tại cấp phúc thẩm, không thỏa thuận được với nhau về giải quyết vụ án.

Phần tranh luận tại phiên tòa:

Đại diện của bị đơn cho rằng đây là hợp đồng hùn vốn còn trong hết thời hạn, nhưng do nguyên đơn rút vốn trước thời hạn là chưa đủ điều kiện khởi kiện, và cấp sơ thẩm tính lãi là chưa đúng.

Đại diện của nguyên đơn phát biểu xin rút lại việc yêu cầu tính lãi từ ngày 27 tháng 2 năm 2021, mà chỉ yêu cầu tính lãi từ ngày nguyên đơn yêu cầu khởi kiện là có lợi cho bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh AG nêu quan điểm giải quyết vụ án:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự hiện hành, không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự.

Đề xuất hướng giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn ông Phan Minh M. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện CM; bị đơn ông Phan Minh M phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến trình bày và tranh luận tại phiên tòa của các đương sự, ý kiến của Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm tiến hành đúng trình tự thủ tục, bị đơn ông Phan Minh M kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí phúc thẩm nên được xem xét chấp nhận.

[2] Xét đơn kháng cáo của ông Phan Minh M Hội đồng xét xử xét thấy ông Trần Minh H khởi kiện ông Phan Minh M hợp đồng hùn vốn để đóng sà lan, nguyên đơn căn cứ vào bảng tính tiền công trình đóng mới sà lan ngày 27/02/2021 và bảng tính số tiền ông M còn nợ lại là 2.200.000.000 đồng. Ông M cũng thừa nhận có giữ của ông H số tiền 2.200.000.000 đồng, nhưng cho rằng đó là số tiền ông H hùn vốn trong Công ty Sáu Ngh. Ông Trần Minh H và Công ty Sáu Ngh không thừa nhận, ông Mẫn không có chứng cứ chứng minh. Nên Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Minh H. Buộc ông Phan Minh M có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền 2.200.000.000 đồng và lãi 138.630.000 đồng là có căn cứ.

Do ông M kháng cáo nhưng không cung cấp chứng cứ mới nên không có cơ sở để xem xét. Do đó cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 15 tháng 3 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện CM.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Mẫn phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Phan Minh M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 33/2023/DS-ST ngày 15/3/2023 của Tòa án nhân dân huyện CM.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Minh H như sau:

1. Buộc ông Phan Minh M có nghĩa vụ trả cho Trần Minh H số tiền là 2.200.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai tỷ hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 138.630.000 đồng (Bằng chữ: Một trăm ba mươi tám triệu sáu trăm ba mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Tiếp tục duy trì biện pháp khẩn cấp tạm thời theo Quyết định số 12/2022/QĐ-BPKCTT ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện CM để đảm bảo việc thi hành án, cụ thể: Phong tỏa tài sản của ông Phan Minh M là Quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS00121 do Sở Tài nguyên và Môi trường AG cấp ngày 25/7/2022, tờ bản đồ số 31, thửa đất số 16, diện tích 854,1m², mục đích sử dụng: 606,6m² đất ở + 247,5m² đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc thị trấn CM, huyện CM, tỉnh AG do ông Phan Minh M đứng tên.

3. Hủy bỏ biện pháp bảo đảm theo Quyết định 08/2022/QĐ-BPBD ngày 28/7/2022 của Tòa án nhân dân huyện CM. Ông Trần Minh H được nhận lại số tiền 462.960.000 đồng (Bằng chữ: Bốn trăm sáu mươi hai triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng) theo giấy nộp tiền ngày 28/7/2022 vào tài khoản phong tỏa tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện CM, tỉnh AG.

4. Về án phí: Ông Phan Minh M có nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm là 78.772.000 đồng (Bằng chữ: Bảy mươi tám triệu bảy trăm bảy mươi hai nghìn đồng); ông Trần Minh H không phải chịu án phí, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 38.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám triệu đồng) theo biên lai số 0004896 ngày 28/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh AG.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Phan Minh M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng tiền đóng tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0013432 ngày 13 tháng 4 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM.

Các phần khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh AG;
- TAND huyện CM;
- THA huyện CM;
- Các đương sự;
- Văn phòng;
- Phòng KTNV-THA;
- Tòa Dân Sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Minh Lễ